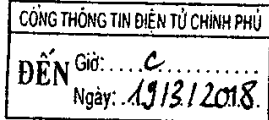


Số: 08/2018/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2018



THÔNG TƯ

Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao;

Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đáp ứng yêu cầu hoạt động tập luyện và thi đấu môn Thể dục thẩm mỹ.

2. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tập luyện và thi đấu thể thao thành tích cao môn Thể dục thẩm mỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Thể dục, thể thao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động tập luyện, thi đấu và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ tại Việt Nam.

Điều 3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Sàn tập có kích thước từ 08m x 08m trở lên.
2. Mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt và được trải thảm hoặc đệm mềm.
3. Khoảng cách từ sàn nhà đến trần ít nhất là 03m.



4. Hệ thống âm thanh bảo đảm cường độ ít nhất từ 90dBA trở lên.
5. Ánh sáng bảo đảm từ 150 lux trở lên.
6. Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.
7. Trang bị các dụng cụ hỗ trợ phục vụ người tập: Máy chạy bộ, tạ, bục, gậy, vòng, bóng.
8. Có khu vực thay đồ và nhà vệ sinh.
9. Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, giờ tập luyện, trang phục tập luyện và các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

Điều 4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 5, 6 và 8 Điều 3 Thông tư này.
2. Sàn thi đấu có kích thước ít nhất là 12m x 12m.
3. Hệ thống âm thanh bảo đảm cường độ ít nhất từ 120dBA trở lên.

Điều 5. Mật độ tập luyện

1. Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 02m² /01 người tập.
2. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người trong một buổi tập.

Điều 6. Tập huấn nhân viên chuyên môn

1. Tổng cục Thể dục thể thao, Liên đoàn Thể dục Việt Nam hoặc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Thể dục thẩm mỹ.

2. Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm xây dựng nội dung, chương trình tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Thể dục thẩm mỹ trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định.

3. Giấy chứng nhận tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Thể dục thẩm mỹ do cơ quan tổ chức tập huấn cấp. Mẫu giấy chứng nhận được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Cơ quan Thanh tra Văn hoá, Thể thao và Du lịch tiến hành thanh tra, xử lý theo thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định tại Thông tư này.

3. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

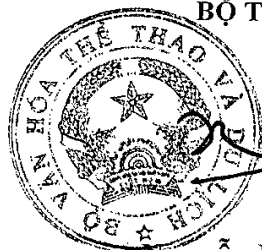
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2018.

2. Thông tư số 16/2011/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu giải quyết. /

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan TW của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; Cổng thông tin điện tử Bộ VHTTDL;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị trực thuộc Bộ VHTTDL;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc Tổng cục TDTT;
- Sở VHVT, Sở VHTTDL các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Liên đoàn Thể dục Việt Nam;
- Lưu: VT, TCTDTT (10), T (400).



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thiện

PHỤ LỤC

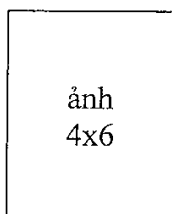
**Mẫu Giấy chứng nhận tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn
tập luyện môn Thể dục thẩm mỹ**

*(Ban hành theo Thông tư số: 08 /2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN (1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (2) **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GCN-....(3)

.....(4), ngàytháng.....năm.....



GIẤY CHỨNG NHẬN

**Tập huấn chuyên môn người cho hướng dẫn tập luyện
môn Thể dục thẩm mỹ**

.....(2).....chứng nhận:

Ông (Bà):.....

Sinh ngày:.....

Số CMND/Thẻ căn cước công dân:

Địa chỉ thường trú:

Đã hoàn thành chương trình tập huấn chuyên môn cho người
hướng dẫn tập luyện môn Thể dục thẩm mỹ.

Thời gian: Từ ngày đến ngày....tháng ...năm.....

Tại:.....

CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
- (2) Tên cơ quan, tổ chức cấp giấy chứng nhận.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức cấp giấy chứng nhận.
- (4) Địa danh.